| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ HƯNG HÀ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 374 /TB-UBND | *Hưng Hà, ngày 03 tháng 9 năm 2026.* |

# THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
## Để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Văn Lang (Giai đoạn 1)
## Địa điểm: thôn Thưởng Phúc, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh Thái Bình về việc thành lập Cụm công nghiệp Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND huyện Hưng Hà về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 3/9/2026 của UBND xã Hưng Hà về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Văn Lang (Giai đoạn 1).*

Theo đề nghị của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà tại Tờ trình số 161/TTr-CNPTQĐKVHH ngày 28/8/2026; đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 400/TTr-KT ngày 03/9/2026, Ủy ban nhân dân xã thông báo như sau:

**1. Lý do thu hồi đất**: Để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Văn Lang (Giai đoạn 1).

**2. Diện tích đất dự kiến thu hồi**: **106.814,4** $m^2$ đất của **258** hộ gia đình, cá nhân tại thôn Thưởng Phúc thuộc địa giới hành chính xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên *(Có danh sách chi tiết kèm theo)*.

Vị trí, loại đất thu hồi được xác định theo Tờ bản đồ địa chính xã Hưng Hà đo đạc bổ sung tháng 7 năm 2025: 277 572-9 Tờ số 120 do Công ty Cổ phần Trắc địa - Xây dựng và Thương mại Tuấn Kiệt đo vẽ tháng 7 năm 2026 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên thẩm định ngày 25/8/2026.

**3. Tiến độ thu hồi đất**: Dự kiến hoàn thành trong tháng 10/2026.

**4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm**: Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, …

Dự kiến hoàn thành trước ngày 20/9/2026.

**5. Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**:

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi để lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngay sau khi hết thời hạn niêm yết; Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình thẩm định theo quy định.

- Tổ chức thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; Niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng hộ gia đình, cá nhân có liên quan theo quy định.

Dự kiến hoàn thành trước ngày 20/10/2026.

- Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngay sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Uỷ ban nhân dân xã Hưng Hà thông báo để các phòng, đơn vị liên quan và các hộ gia đình, cá nhân triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND xã;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- Các hộ gia đình, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ HƯNG HÀ T.HƯNG YÊN

**Nguyễn Văn Trường**

# DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT
## Dự án Cụm Công nghiệp Văn Lang (Giai đoạn 1),
## Địa điểm: thôn Thưởng Phúc, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên
*(Kèm theo Thông báo số 374 /TB-UBND ngày 03/9/2026 của UBND xã Hưng Hà)*

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà Lộ Thị Cầu | Thưởng Phúc | 120 | 749 | LUC | 518,2 | |
| 2 | Ông Nguyễn Quang Phi | Thưởng Phúc | 120 | 754 | LUC | 13,5 | |
| | | | 120 | 1041 | LUC | 423,0 | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Sen (bà Sen đã chết), hiện ông Lộ Quyết Chiến (con bà Sen) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 758 | LUC | 138,5 | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Hà (bà Hà đã chết), hiện ông Lê Văn Thư (con bà Hà) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 773 | LUC | 44,7 | |
| 5 | Ông Lộ Quyết Chiến | Thưởng Phúc | 120 | 774 | LUC | 493,6 | |
| 6 | Bà Lê Thị Chiều | Thưởng Phúc | 120 | 783 | LUC | 36,3 | |
| 7 | Ông Vũ Văn Thám | Thưởng Phúc | 120 | 785 | LUC | 381,4 | |
| 8 | Bà Nguyễn Thị Mơ (bà Mơ đã chết), hiện ông Nguyễn Văn Nguyện (cháu bà Mơ) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 790 | LUC | 458,0 | |
| 9 | Ông Nguyễn Quang Hưng | Thưởng Phúc | 120 | 798 | LUC | 236,4 | |
| 10 | Ông Trần Văn Phúc (ông Phúc đã chết), hiện ông Trần Văn Hiệp (con ông Phúc) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 801 | LUC | 775,0 | |
| 11 | Ông Nguyễn Xuân Sang | Thưởng Phúc | 120 | 816 | LUC | 962,0 | |
| | | | 120 | 976 | LUC | 230,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Bà Nguyễn Thị Nguyệt | Thưởng Phúc | 120 | 817 | LUC | 338,0 | |
| 13 | Ông Nguyễn Xuân Hùng | Thưởng Phúc | 120 | 825 | LUC | 378,8 | |
| 14 | Bà Nguyễn Thị Chuyển | Thưởng Phúc | 120 | 829 | LUC | 505,0 | |
| 15 | Bà Đinh Thị Hòa (bà Hòa đã chết), hiện ông Nguyễn Xuân Sanh (em chồng bà Hòa) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 836 | LUC | 120,2 | |
| 16 | Ông Nguyễn Đình Tỵ | Thưởng Phúc | 120 | 837 | LUC | 672,4 | |
| 17 | Ông Vũ Văn Hoàn | Thưởng Phúc | 120 | 844 | LUC | 149,0 | |
| | | | 120 | 950 | LUC | 803,0 | |
| 18 | Bà Cao Thị Sang | Thưởng Phúc | 120 | 845 | LUC | 275,7 | |
| | | | 120 | 1194 | LUC | 351,0 | |
| 19 | Ông Đặng Ngọc Hưởng | Thưởng Phúc | 120 | 849 | LUC | 347,4 | |
| 20 | Ông Nguyễn Kim Toàn | Thưởng Phúc | 120 | 850 | LUC | 669,2 | |
| 21 | Ông Nguyễn Xuân Quân | Thưởng Phúc | 120 | 852 | LUC | 1.149,0 | |
| 22 | Ông Nguyễn Xuân Lương | Thưởng Phúc | 120 | 865 | LUC | 13,1 | |
| 23 | Ông Lê Văn Tuấn (Liễu) | Thưởng Phúc | 120 | 866 | LUC | 672,1 | |
| | | | 120 | 1179 | LUC | 686,3 | |
| 24 | Bà Vũ Thị Én | Thưởng Phúc | 120 | 867 | LUC | 401,0 | |
| 25 | Bà Phạm Thị Nhàn | Thưởng Phúc | 120 | 871 | LUC | 1.025,0 | |
| 26 | Ông Lộ Hải Nam | Thưởng Phúc | 120 | 876 | LUC | 244,0 | |
| 27 | Bà Hoàng Thị Sửu (bà Sửu đã chết), hiện ông Lộ Hải Nam (con bà Sửu) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 876 | LUC | 122,0 | |
| 28 | Bà Lộ Thị Miền | Thưởng Phúc | 120 | 882 | LUC | 15,4 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 120 | 941 | LUC | 135,3 | |
| 29 | Ông Vũ Văn Tỉnh (ông Tỉnh đã chết), hiện ông Vũ Văn Thùy (con ông Tỉnh) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 885 | LUC | 640,0 | |
| 30 | Ông Trần Văn Hiệp | Thưởng Phúc | 120 | 888 | LUC | 339,1 | |
| 31 | Ông Lê Văn Thành | Thưởng Phúc | 120 | 889 | LUC | 439,4 | |
| | | | 120 | 1187 | LUC | 351,0 | |
| 32 | Ông Lộ Văn Khanh | Thưởng Phúc | 120 | 892 | LUC | 84,0 | |
| | | | 120 | 955 | LUC | 406,0 | |
| 33 | Ông Vũ Văn Huyện | Thưởng Phúc | 120 | 898 | LUC | 183,0 | |
| | | | 120 | 1051 | LUC | 344,0 | |
| | | | 120 | 1072 | LUC | 656,0 | |
| 34 | Bà Trần Thị Mùi (Khái) | Thưởng Phúc | 120 | 900 | LUC | 139,0 | |
| 35 | Ông Nguyễn Quang Tuyên | Thưởng Phúc | 120 | 900 | LUC | 278,0 | |
| 36 | Ông Nguyễn Văn Thăng | Thưởng Phúc | 120 | 902 | LUC | 1.025,0 | |
| 37 | Ông Nguyễn Xuân Dị | Thưởng Phúc | 120 | 906 | LUC | 100,7 | |
| 38 | Ông Nguyễn Thế Long | Thưởng Phúc | 120 | 908 | LUC | 265,0 | |
| 39 | Ông Vũ Văn Thao | Thưởng Phúc | 120 | 909 | LUC | 361,0 | |
| 40 | Ông Vũ Văn Thinh | Thưởng Phúc | 120 | 909 | LUC | 257,0 | |
| 41 | Ông Nguyễn Quang Hợp | Thưởng Phúc | 120 | 910 | LUC | 680,0 | |
| 42 | Bà Nguyễn Thị Tý | Thưởng Phúc | 120 | 913 | LUC | 50,5 | |
| 43 | Bà Nguyễn Thị Tẹo | Thưởng Phúc | 120 | 915 | LUC | 226,0 | |
| 44 | Ông Nguyễn Thế Khuyến (ông Khuyến đã chết), hiện ông Nguyễn Thế Linh (con | Thưởng Phúc | 120 | 915 | LUC | 226,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | ông Khuyến) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | | | | | | |
| 45 | Ông Trần Văn Quảng | Thưởng Phúc | 120 | 916 | LUC | 951,0 | |
| 46 | Ông Nguyễn Xuân Tuất (ông Tuất đã chết), hiện ông Nguyễn Xuân Dị (con ông Tuất) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 919 | LUC | 112,4 | |
| 47 | Ông Lê Văn Thu | Thưởng Phúc | 120 | 921 | LUC | 569,0 | |
| 48 | Ông Nguyễn Hữu Thanh | Thưởng Phúc | 120 | 926 | LUC | 344,0 | |
| 49 | Ông Nguyễn Quang Thẩm | Thưởng Phúc | 120 | 927 | LUC | 169,0 | |
| 50 | Ông Lê Văn Thế | Thưởng Phúc | 120 | 931 | LUC | 632,0 | |
| 51 | Ông Lê Văn Hoan | Thưởng Phúc | 120 | 932 | LUC | 251,0 | |
| 52 | Ông Nguyễn Thế Bường | Thưởng Phúc | 120 | 937 | LUC | 438,7 | |
| 53 | Ông Nguyễn Đình Chiều | Thưởng Phúc | 120 | 938 | LUC | 586,0 | |
| 54 | Ông Nguyễn Quang Hưng (Hiền) | Thưởng Phúc | 120 | 943 | LUC | 313,0 | |
| 55 | Ông Nguyễn Quang Dước | Thưởng Phúc | 120 | 945 | LUC | 344,0 | |
| 56 | Ông Nguyễn Quang Tùy | Thưởng Phúc | 120 | 945 | LUC | 514,0 | |
| 57 | Ông Lê Văn Qùy | Thưởng Phúc | 120 | 947 | LUC | 276,0 | |
| | | | 120 | 1641 | LUC | 226,0 | |
| 58 | Ông Lê Văn Chấn | Thưởng Phúc | 120 | 947 | LUC | 423,1 | |
| | | | 120 | 1641 | LUC | 359,0 | |
| 59 | Ông Lê Văn Toán | Thưởng Phúc | 120 | 960 | LUC | 218,0 | |
| 60 | Bà Lê Thị Hoạt | Thưởng Phúc | 120 | 961 | LUC | 150,0 | |
| 61 | Ông Nguyễn Thế Đông | Thưởng Phúc | 120 | 962 | LUC | 207,8 | |
| 62 | Ông Nguyễn Kim Tam | Thưởng Phúc | 120 | 969 | LUC | 406,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 63 | Bà Vũ Thị Sáu (ông Sáu đã chết), hiện ông Vũ Văn Hoàn (em bà Sáu) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 972 | LUC | 378,0 | |
| 64 | Bà Lộ Thị Đậm (bà Đậm đã chết), hiện ông Nguyễn Đình Chiều (con bà Đậm) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 975 | LUC | 314,0 | |
| 65 | Bà Nguyễn Thị Sồi (ông Sồi đã chết), hiện ông Nguyễn Xuân Sang (con bà Sồi) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 976 | LUC | 538,3 | |
| 66 | Bà Bùi Thị Mùa | Thưởng Phúc | 120 | 978 | LUC | 464,7 | |
| 67 | Bà Nguyễn Thị Nhung | Thưởng Phúc | 120 | 980 | LUC | 196,0 | |
| 68 | Ông Nguyễn Thế Duẩn | Thưởng Phúc | 120 | 987 | LUC | 385,0 | |
| 69 | Ông Nguyễn Xuân Xuân (Chức) | Thưởng Phúc | 120 | 990 | LUC | 732,0 | |
| 70 | Bà Hoàng Thị Oanh (bà Oanh đã chết), hiện ông Vũ Văn Chính (con bà Oanh) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 994 | LUC | 148,0 | |
| 71 | Bà Nguyễn Thị Lan (Đoan) | Thưởng Phúc | 120 | 996 | LUC | 424,0 | |
| 72 | Ông Nguyễn Thế Vượng | Thưởng Phúc | 120 | 997 | LUC | 546,0 | |
| 73 | Bà Nguyễn Thị Gia | Thưởng Phúc | 120 | 1003 | LUC | 388,0 | |
| | | | 120 | 1203 | LUC | 346,0 | |
| 74 | Ông Lộ Văn Khảm | Thưởng Phúc | 120 | 1007 | LUC | 762,7 | |
| 75 | Ông Vũ Văn Viết | Thưởng Phúc | 120 | 1007 | LUC | 277,8 | |
| 76 | Ông Lộ Văn Doãn | Thưởng Phúc | 120 | 1009 | LUC | 533,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 77 | Bà Lộ Thị Yến (Dược) | Thưởng Phúc | 120 | 1010 | LUC | 0,4 | |
| 78 | Bà Nguyễn Thị Thơm (Thắm) | Thưởng Phúc | 120 | 1013 | LUC | 389,0 | |
| | | | 120 | 1209 | LUC | 346,2 | |
| 79 | Ông Lê Văn Ơn (Qùy) | Thưởng Phúc | 120 | 1016 | LUC | 842,0 | |
| 80 | Ông Nguyễn Xuân Dụng | Thưởng Phúc | 120 | 1017 | LUC | 768,0 | |
| 81 | Bà Vũ Thị Khoáy (bà Khoáy đã chết), hiện ông Nguyễn Xuân Dụng (con bà Khoáy) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1017 | LUC | 345,0 | |
| 82 | Bà Nguyễn Thị Nhẹn | Thưởng Phúc | 120 | 1021 | LUC | 264,0 | |
| 83 | Bà Lê Thị Mơ | Thưởng Phúc | 120 | 1023 | LUC | 246,1 | |
| | | | 120 | 1042 | LUC | 995,0 | |
| 84 | Ông Nguyễn Xuân Toản | Thưởng Phúc | 120 | 1025 | LUC | 29,7 | |
| 85 | Ông Vũ Văn Đà | Thưởng Phúc | 120 | 1027 | LUC | 213,0 | |
| 86 | Ông Vũ Văn Triệu | Thưởng Phúc | 120 | 1027 | LUC | 302,0 | |
| 87 | Ông Lộ Văn Sang | Thưởng Phúc | 120 | 1027 | LUC | 248,0 | |
| 88 | Bà Phạm Thị Mỹ | Thưởng Phúc | 120 | 1027 | LUC | 124,0 | |
| 89 | Ông Nguyễn Quang Công | Thưởng Phúc | 120 | 1031 | LUC | 295,0 | |
| 90 | Ông Vũ Văn Hưng | Thưởng Phúc | 120 | 1033 | LUC | 599,0 | |
| 91 | Ông Nguyễn Quang Trung | Thưởng Phúc | 120 | 1034 | LUC | 766,0 | |
| | | | 120 | 1219 | LUC | 688,0 | |
| 92 | Bà Vũ Thị Lý (Sót) | Thưởng Phúc | 120 | 1039 | LUC | 68,0 | |
| 93 | Ông Vũ Văn Bằng | Thưởng Phúc | 120 | 1043 | LUC | 269,0 | |
| 94 | Bà Cao Thị Niệm (bà Niệm đã chết), hiện ông Vũ Văn Bằng (con bà Niệm) và những người | Thưởng Phúc | 120 | 1043 | LUC | 124,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | có quyền, nghĩa vụ liên quan | | | | | | |
| 95 | Ông Vũ Văn Tung | Thưởng Phúc | 120 | 1043 | LUC | 268,0 | |
| 96 | Bà Nguyễn Thị Minh | Thưởng Phúc | 120 | 1043 | LUC | 247,0 | |
| 97 | Ông Vũ Văn Biên | Thưởng Phúc | 120 | 1044 | LUC | 344,0 | |
| 98 | Ông Nguyễn Xuân Thiệu | Thưởng Phúc | 120 | 1050 | LUC | 578,0 | |
| 99 | Ông Lê Văn Vinh | Thưởng Phúc | 120 | 1054 | LUC | 384,0 | |
| 100 | Bà Nguyễn Thị Chậm (bà Chậm đã chết), hiện ông Nguyễn Quang Công (con bà Chậm) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1057 | LUC | 304,0 | |
| 101 | Ông Nguyễn Quang Yên | Thưởng Phúc | 120 | 1057 | LUC | 151,0 | |
| 102 | Bà Lê Thị Thúy | Thưởng Phúc | 120 | 1063 | LUC | 116,0 | |
| 103 | Ông Lê Văn Tuyến (ông Tuyến đã chết), hiện ông Lê Văn Phương (con ông Tuyến) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1063 | LUC | 303,0 | |
| 104 | Ông Nguyễn Kim Tuyền | Thưởng Phúc | 120 | 1066 | LUC | 345,0 | |
| 105 | Ông Lộ Văn Nhoạn | Thưởng Phúc | 120 | 1067 | LUC | 784,0 | |
| 106 | Bà Nguyễn Thị Dôi | Thưởng Phúc | 120 | 1076 | LUC | 164,1 | |
| 107 | Ông Vũ Xuân Kính (Mô) | Thưởng Phúc | 120 | 1078 | LUC | 453,0 | |
| 108 | Ông Vũ Văn Thành | Thưởng Phúc | 120 | 1082 | LUC | 229,0 | |
| 109 | Bà Đặng Thị Mật | Thưởng Phúc | 120 | 1083 | LUC | 911,4 | |
| 110 | Bà Lộ Thị Thủy | Thưởng Phúc | 120 | 1085 | LUC | 353,0 | |
| | | | 120 | 1124 | LUC | 315,0 | |
| 111 | Ông Vũ Văn Ngôn (ông Ngôn đã chết), hiện ông Vũ Văn Triệu (con ông | Thưởng Phúc | 120 | 1089 | LUC | 506,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ngôn) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | | | | | | |
| 112 | Ông Lê Văn Nhiệm | Thưởng Phúc | 120 | 1091 | LUC | 541,0 | |
| 113 | Ông Vũ Văn Đô | Thưởng Phúc | 120 | 1092 | LUC | 232,4 | |
| 114 | Ông Lê Văn Nghĩa | Thưởng Phúc | 120 | 1097 | LUC | 254,0 | |
| 115 | Ông Vũ Văn Thay | Thưởng Phúc | 120 | 1098 | LUC | 354,0 | |
| 116 | Ông Lê Văn Hùng | Thưởng Phúc | 120 | 1099 | LUC | 250,0 | |
| 117 | Ông Nguyễn Xuân Sửa | Thưởng Phúc | 120 | 1100 | LUC | 680,0 | |
| 118 | Ông Nguyễn Xuân Sánh | Thưởng Phúc | 120 | 1100 | LUC | 324,0 | |
| 119 | Ông Nguyễn Xuân Sơn | Thưởng Phúc | 120 | 1100 | LUC | 344,0 | |
| | | | 120 | 1133 | LUC | 9,6 | |
| 120 | Bà Nguyễn Thị Chè | Thưởng Phúc | 120 | 1102 | LUC | 390,4 | |
| | | | 120 | 1118 | LUC | 682,3 | |
| 121 | Ông Vũ Văn Hùng (ông Hùng đã chết), hiện ông Vũ Đức Mạnh (con ông Hùng) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1107 | LUC | 253,0 | |
| 122 | Ông Vũ Văn Triệu | Thưởng Phúc | 120 | 1108 | LUC | 400,1 | |
| | | | 120 | 1111 | LUC | 497,0 | |
| | | | 120 | 1238 | LUC | 303,0 | |
| 123 | Ông Vũ Văn Huyền | Thưởng Phúc | 120 | 1113 | LUC | 250,0 | |
| 124 | Ông Vũ Văn Giới | Thưởng Phúc | 120 | 1117 | LUC | 242,0 | |
| 125 | Ông Vũ Văn Luyện | Thưởng Phúc | 120 | 1120 | LUC | 335,0 | |
| 126 | Bà Vũ Thị Thể | Thưởng Phúc | 120 | 1120 | LUC | 238,0 | |
| 127 | Bà Nguyễn Thị Ngay | Thưởng Phúc | 120 | 1123 | LUC | 635,0 | |
| 128 | Ông Nguyễn Thế Phước | Thưởng Phúc | 120 | 1127 | LUC | 276,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 129 | Ông Vũ Văn Thế | Thưởng Phúc | 120 | 1128 | LUC | 125,0 | |
| 130 | Bà Trương Thị Hường | Thưởng Phúc | 120 | 1129 | LUC | 450,0 | |
| 131 | Bà Lê Thị Toan | Thưởng Phúc | 120 | 1134 | LUC | 282,0 | |
| 132 | Ông Lê Văn Hệ | Thưởng Phúc | 120 | 1134 | LUC | 419,0 | |
| 133 | Ông Lộ Văn Duẩn | Thưởng Phúc | 120 | 1139 | LUC | 1.082,0 | |
| 134 | Ông Nguyễn Văn Quang | Thưởng Phúc | 120 | 1143 | LUC | 126,0 | |
| 135 | Bà Nguyễn Thị Quê | Thưởng Phúc | 120 | 1143 | LUC | 345,0 | |
| 136 | Ông Vũ Văn Khuyên (ông Khuyên đã chết), hiện ông Vũ Văn Uông (con ông Khuyên) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1147 | LUC | 146,0 | |
| 137 | Ông Vũ Văn Uông | Thưởng Phúc | 120 | 1147 | LUC | 342,0 | |
| 138 | Ông Nguyễn Xuân Đăng | Thưởng Phúc | 120 | 1151 | LUC | 456,0 | |
| 139 | Ông Lộ Văn Tuấn | Thưởng Phúc | 120 | 1154 | LUC | 538,0 | |
| 140 | Bà Vũ Thị Nhặt | Thưởng Phúc | 120 | 1156 | LUC | 132,1 | |
| | | | 120 | 1254 | LUC | 608,0 | |
| 141 | Ông Vũ Văn Nguyên (Hồng) | Thưởng Phúc | 120 | 1158 | LUC | 232,4 | |
| 142 | Ông Lộ Văn Chuyên (Khiếm) | Thưởng Phúc | 120 | 1159 | LUC | 604,0 | |
| 143 | Bà Nguyễn Thị Chấn (bà Chấn đã chết), hiện bà Nguyễn Thị Chiếm (em bà Chấn) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1160 | LUC | 480,1 | |
| 144 | Ông Vũ Văn Giang | Thưởng Phúc | 120 | 1167 | LUC | 709,1 | |
| 145 | Bà Lê Thị Nhung | Thưởng Phúc | 120 | 1169 | LUC | 354,0 | |
| 146 | Ông Nguyễn Kim Quân | Thưởng Phúc | 120 | 1170 | LUC | 389,0 | |
| 147 | Ông Vũ Văn Đuống | Thưởng Phúc | 120 | 1173 | LUC | 243,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 148 | Bà Vũ Thị Chuẩn | Thưởng Phúc | 120 | 1173 | LUC | 122,1 | |
| 149 | Ông Vũ Ngọc Chiến | Thưởng Phúc | 120 | 1181 | LUC | 199,3 | |
| | | | 120 | 1571 | LUC | 273,0 | |
| 150 | Ông Lê Văn Thêu | Thưởng Phúc | 120 | 1184 | LUC | 571,0 | |
| 151 | Nguyễn Văn Nữa | Thưởng Phúc | 120 | 1186 | LUC | 221,0 | |
| | | | 120 | 1216 | LUC | 360,0 | |
| 152 | Ông Vũ Văn Cầu | Thưởng Phúc | 120 | 1192 | LUC | 595,1 | |
| 153 | Ông Lê Văn Cao | Thưởng Phúc | 120 | 1193 | LUC | 506,0 | |
| 154 | Ông Lộ Văn Thuấn | Thưởng Phúc | 120 | 1202 | LUC | 360,0 | |
| 155 | Ông Vũ Ngọc Vịnh | Thưởng Phúc | 120 | 1205 | LUC | 243,0 | |
| | | | 120 | 1579 | LUC | 202,0 | |
| 156 | Ông Nguyễn Văn Tẩu | Thưởng Phúc | 120 | 1207 | LUC | 661,0 | |
| | | | 120 | 1514 | LUC | 614,0 | |
| 157 | Bà Trần Thị Đáng | Thưởng Phúc | 120 | 1210 | LUC | 241,0 | |
| | | | 120 | 1579 | LUC | 194,1 | |
| 158 | Ông Vũ Văn Khuông | Thưởng Phúc | 120 | 1222 | LUC | 510,0 | |
| 159 | Bà Lê Thị Rủ | Thưởng Phúc | 120 | 1229 | LUC | 246,0 | |
| 160 | Ông Vũ Văn Thuyết | Thưởng Phúc | 120 | 1230 | LUC | 1,1 | |
| | | | 120 | 1315 | LUC | 500,0 | |
| 161 | Ông Nguyễn Xuân Pha | Thưởng Phúc | 120 | 1233 | LUC | 713,0 | |
| 162 | Bà Nguyễn Thị Khanh | Thưởng Phúc | 120 | 1235 | LUC | 394,0 | |
| 163 | Bà Nguyễn Thị Bách | Thưởng Phúc | 120 | 1240 | LUC | 583,0 | |
| 164 | Ông Vũ Văn San | Thưởng Phúc | 120 | 1243 | LUC | 535,0 | |
| 165 | Ông Lê Văn Huấn | Thưởng Phúc | 120 | 1251 | LUC | 123,0 | |
| 166 | Bà Vũ Thị Loan | Thưởng Phúc | 120 | 1251 | LUC | 450,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 167 | Bà Phạm Thị Gương | Thưởng Phúc | 120 | 1256 | LUC | 321,0 | |
| 168 | Bà Vũ Thị Tuyến | Thưởng Phúc | 120 | 1264 | LUC | 290,2 | |
| 169 | Ông Nguyễn Xuân Tân | Thưởng Phúc | 120 | 1268 | LUC | 272,0 | |
| | | | 120 | 1529 | LUC | 237,0 | |
| 170 | Ông Vũ Văn Dung | Thưởng Phúc | 120 | 1270 | LUC | 411,3 | |
| | | | 120 | 1330 | LUC | 666,0 | |
| 171 | Ông Vũ Văn Đàn (ông Đàn đã chết), hiện ông Vũ Văn Tuấn (con ông Đàn) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1272 | LUC | 264,1 | |
| 172 | Ông Lê Văn Vở | Thưởng Phúc | 120 | 1273 | LUC | 480,0 | |
| 173 | Ông Vũ Văn Thu | Thưởng Phúc | 120 | 1275 | LUC | 463,0 | |
| 174 | Ông Nguyễn Quang Hướng | Thưởng Phúc | 120 | 1276 | LUC | 219,0 | |
| 175 | Ông Nguyễn Xuân Ký | Thưởng Phúc | 120 | 1283 | LUC | 443,0 | |
| | | | 120 | 1542 | LUC | 409,0 | |
| 176 | Ông Trần Văn Phước | Thưởng Phúc | 120 | 1293 | LUC | 413,0 | |
| 177 | Ông Nguyễn Qúy Chức (Bảo) | Thưởng Phúc | 120 | 1294 | LUC | 375,1 | |
| 178 | Ông Vũ Văn Thi | Thưởng Phúc | 120 | 1298 | LUC | 225,0 | |
| 179 | Ông Lê Trọng Hường | Thưởng Phúc | 120 | 1304 | LUC | 368,0 | |
| 180 | Bà Vũ Thị Biên | Thưởng Phúc | 120 | 1305 | LUC | 464,4 | |
| 181 | Ông Lê Văn In | Thưởng Phúc | 120 | 1309 | LUC | 225,0 | |
| 182 | Ông Vũ Văn Tươi | Thưởng Phúc | 120 | 1310 | LUC | 250,0 | |
| 183 | Ông Nguyễn Văn Lại | Thưởng Phúc | 120 | 1320 | LUC | 368,0 | |
| 184 | Ông Lê Văn Phương | Thưởng Phúc | 120 | 1324 | LUC | 365,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 185 | Ông Trần Văn Ngã (ông Ngã đã chết), hiện ông Trần Văn Phước (con ông Ngã) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1332 | LUC | 243,3 | |
| | | | 120 | 1639 | LUC | 57,2 | |
| 186 | Ông Vũ Xuân Đạo | Thưởng Phúc | 120 | 1334 | LUC | 504,0 | |
| 187 | Ông Vũ Văn Viên | Thưởng Phúc | 120 | 1340 | LUC | 244,0 | |
| 188 | Ông Vũ Văn Thực | Thưởng Phúc | 120 | 1343 | LUC | 246,0 | |
| | | | 120 | 1471 | LUC | 139,0 | |
| 189 | Bà Trần Thị Tốn | Thưởng Phúc | 120 | 1344 | LUC | 122,0 | |
| 190 | Ông Trần Văn Hạ | Thưởng Phúc | 120 | 1344 | LUC | 122,0 | |
| 191 | Bà Trần Thị Nghiêng | Thưởng Phúc | 120 | 1350 | LUC | 216,1 | |
| | | | 120 | 1639 | LUC | 56,5 | |
| 192 | Ông Lê Văn Toàn | Thưởng Phúc | 120 | 1351 | LUC | 160,0 | |
| 193 | Bà Lộ Thị Hạt (bà Hạt đã chết), hiện ông Vũ Hải Lâm (con bà Hạt) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1353 | LUC | 196,0 | |
| 194 | Ông Lê Văn Quyết | Thưởng Phúc | 120 | 1360 | LUC | 549,1 | |
| 195 | Ông Vũ Văn Hưng (Len) | Thưởng Phúc | 120 | 1365 | LUC | 154,0 | |
| | | | 120 | 1561 | LUC | 108,0 | |
| 196 | Bà Nguyễn Thị Út | Thưởng Phúc | 120 | 1365 | LUC | 564,0 | |
| | | | 120 | 1561 | LUC | 478,0 | |
| 197 | Ông Lê Văn Thạo | Thưởng Phúc | 120 | 1367 | LUC | 590,0 | |
| 198 | Ông Lê Văn Toản (Hà) | Thưởng Phúc | 120 | 1368 | LUC | 270,0 | |
| 199 | Ông Vũ Văn Đắc | Thưởng Phúc | 120 | 1373 | LUC | 319,1 | |
| 200 | Ông Vũ Văn Trưởng | Thưởng Phúc | 120 | 1376 | LUC | 263,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 120 | 1623 | LUC | 235,0 | |
| 201 | Ông Vũ Văn Phong | Thưởng Phúc | 120 | 1376 | LUC | 249,0 | |
| | | | 120 | 1623 | LUC | 222,0 | |
| 202 | Bà Lộ Thị Quyền | Thưởng Phúc | 120 | 1376 | LUC | 332,0 | |
| | | | 120 | 1623 | LUC | 298,0 | |
| 203 | Bà Vũ Thị Yến (Văn) | Thưởng Phúc | 120 | 1384 | LUC | 191,0 | |
| 204 | Ông Nguyễn Văn Tưởng | Thưởng Phúc | 120 | 1385 | LUC | 126,0 | |
| 205 | Bà Nguyễn Thị An | Thưởng Phúc | 120 | 1385 | LUC | 500,0 | |
| 206 | Ông Nguyễn Văn Ngãi (ông Ngãi đã chết), hiện bà Nguyễn Thị An (con ông Ngãi) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1385 | LUC | 126,0 | |
| 207 | Bà Nguyễn Thị Huyến | Thưởng Phúc | 120 | 1392 | LUC | 121,0 | |
| 208 | Ông Nguyễn Đình Thận | Thưởng Phúc | 120 | 1392 | LUC | 430,0 | |
| | | | 120 | 1418 | LUC | 125,0 | |
| 209 | Bà Lê Thị Đương | Thưởng Phúc | 120 | 1392 | LUC | 17,6 | |
| | | | 120 | 1605 | LUC | 452,4 | |
| 210 | Bà Nguyễn Thị Bính | Thưởng Phúc | 120 | 1398 | LUC | 59,2 | |
| 211 | Ông Vũ Văn Cẩn | Thưởng Phúc | 120 | 1400 | LUC | 324,0 | |
| 212 | Ông Nguyễn Hữu Đãng | Thưởng Phúc | 120 | 1402 | LUC | 378,0 | |
| 213 | Ông Vũ Văn Thưởng (Hợp) | Thưởng Phúc | 120 | 1405 | LUC | 473,0 | |
| 214 | Ông Vũ Văn Tuấn | Thưởng Phúc | 120 | 1407 | LUC | 487,0 | |
| 215 | Ông Nguyễn Hữu Quang | Thưởng Phúc | 120 | 1415 | LUC | 310,0 | |
| 216 | Ông Nguyễn Văn Hùng (Cần) | Thưởng Phúc | 120 | 1419 | LUC | 325,0 | |
| 217 | Ông Nguyễn Quang Bượi | Thưởng Phúc | 120 | 1427 | LUC | 463,9 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 218 | Bà Nguyễn Thị Chăm | Thưởng Phúc | 120 | 1429 | LUC | 334,3 | |
| 219 | Ông Nguyễn Văn Thạnh | Thưởng Phúc | 120 | 1430 | LUC | 4,7 | |
| | | | 120 | 1486 | LUC | 257,0 | |
| 220 | Ông Lộ Văn Soi | Thưởng Phúc | 120 | 1435 | LUC | 575,0 | |
| 221 | Ông Vũ Văn Thảo | Thưởng Phúc | 120 | 1442 | LUC | 350,0 | |
| 222 | Bà Hoàng Thị Tuyết | Thưởng Phúc | 120 | 1442 | LUC | 242,0 | |
| 223 | Bà Nguyễn Thị Soạn (bà Soạn đã chết), hiện ông Vũ Đức Mạnh (cháu bà Soạn) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1444 | LUC | 364,0 | |
| | | | 120 | 1662 | LUC | 458,9 | |
| | | | 120 | 2140 | LUC | 51,1 | |
| 224 | Ông Vũ Văn Hay | Thưởng Phúc | 120 | 1445 | LUC | 401,0 | |
| | | | 120 | 1657 | LUC | 513,0 | |
| 225 | Ông Vũ Văn Tùng | Thưởng Phúc | 120 | 1449 | LUC | 327,0 | |
| 226 | Bà Vũ Thị Hương | Thưởng Phúc | 120 | 1449 | LUC | 112,0 | |
| 227 | Bà Vũ Thị Liên | Thưởng Phúc | 120 | 1449 | LUC | 117,0 | |
| 228 | Bà Nguyễn Thị Dịu | Thưởng Phúc | 120 | 1457 | LUC | 254,0 | |
| 229 | Bà Nguyễn Thị Xuyên (Thực) | Thưởng Phúc | 120 | 1459 | LUC | 330,8 | |
| 230 | Ông Nguyễn Văn Thìn | Thưởng Phúc | 120 | 1459 | LUC | 150,6 | |
| 231 | Ông Nguyễn Văn Sáu | Thưởng Phúc | 120 | 1459 | LUC | 150,6 | |
| 232 | Ông Vũ Văn Hậu (Thương) | Thưởng Phúc | 120 | 1465 | LUC | 219,0 | |
| 233 | Ông Lê Văn Mạnh | Thưởng Phúc | 120 | 1468 | LUC | 223,0 | |
| 234 | Bà Trương Thị Đạo | Thưởng Phúc | 120 | 1477 | LUC | 134,0 | |
| | | | 120 | 1765 | LUC | 44,0 | |
| 235 | Ông Lê Qúy Dương | Thưởng Phúc | 120 | 1479 | LUC | 342,4 | |
| 236 | Bà Nguyễn Thị Mận | Thưởng Phúc | 120 | 1481 | LUC | 312,0 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 237 | Ông Vũ Văn Nhất | Thưởng Phúc | 120 | 1484 | LUC | 287,0 | |
| | | | 120 | 1667 | LUC | 231,6 | |
| 238 | Ông Nguyễn Quang Toàn (Hường) | Thưởng Phúc | 120 | 1491 | LUC | 284,0 | |
| 239 | Ông Nguyễn Văn Bồng (ông Bồng đã chết), hiện ông Nguyễn Văn Thạnh (con ông Bồng) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan | Thưởng Phúc | 120 | 1497 | LUC | 338,0 | |
| 240 | Ông Nguyễn Văn Quyền | Thưởng Phúc | 120 | 1500 | LUC | 482,0 | |
| 241 | Ông Nguyễn Văn Mùi | Thưởng Phúc | 120 | 1500 | LUC | 120,0 | |
| 242 | Ông Vũ Văn Chiến | Thưởng Phúc | 120 | 1504 | LUC | 518,0 | |
| 243 | Ông Vũ Ngọc Hưng (Nhiên) | Thưởng Phúc | 120 | 1510 | LUC | 8,7 | |
| 244 | Ông Vũ Văn Khải | Thưởng Phúc | 120 | 1523 | LUC | 466,6 | |
| 245 | Ông Lê Văn Lương | Thưởng Phúc | 120 | 1528 | LUC | 127,2 | |
| 246 | Ông Nguyễn Xuân Đức | Thưởng Phúc | 120 | 1532 | LUC | 815,0 | |
| | | | 120 | 1669 | LUC | 313,5 | |
| 247 | Ông Lê Văn Chứ | Thưởng Phúc | 120 | 1537 | LUC | 178,8 | |
| 248 | Ông Vũ Văn Thụy | Thưởng Phúc | 120 | 1554 | LUC | 288,2 | |
| 249 | Ông Vũ Văn Điền | Thưởng Phúc | 120 | 1554 | LUC | 191,0 | |
| 250 | Bà Lộ Thị Thùy | Thưởng Phúc | 120 | 1581 | LUC | 298,0 | |
| 251 | Ông Lê Văn Thực | Thưởng Phúc | 120 | 1594 | LUC | 327,1 | |
| | | | 120 | 2142 | LUC | 187,0 | |
| 252 | Ông Vũ Văn Cung | Thưởng Phúc | 120 | 1595 | LUC | 11,2 | |
| 253 | Bà Vũ Thị Sinh | Thưởng Phúc | 120 | 1608 | LUC | 230,0 | |
| 254 | Ông Hoàng Văn Hiệp | Thưởng Phúc | 120 | 1634 | LUC | 217,2 | |
| 255 | Bà Nguyễn Thị Thái | Thưởng Phúc | 120 | 1669 | LUC | 332,4 | |

| Stt | Họ và tên (Hộ gia đình/Cá nhân) | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ địa chính | Số thửa | Loại đất dự kiến thu hồi | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 256 | Ông Vũ Xuân Tranh | Thưởng Phúc | 120 | 1780 | LUC | 320,1 | |
| 257 | Ông Vũ Văn Sử | Thưởng Phúc | 120 | 1782 | LUC | 103,3 | |
| 258 | Bà Vũ Thị Chiến | Thưởng Phúc | 120 | 1789 | LUC | 89,8 | |
| **Tổng cộng** | | | | | | **106.814,4** | |